

Số: 41/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐÀ NẴNG, TP ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 62/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

+ Ông **Lê Đức T**, sinh ngày 14/12/2001; Số căn cước công dân: 048201003550 ngày cấp: 13/03/2023; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Huỳnh Nguyên Hà N**, sinh ngày 16/02/2003; Số căn cước công dân: 048303006042 ngày cấp: 02/10/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: K đường N, tổ A, phường H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Đức T và bà Huỳnh Nguyên Hà N kết hôn với nhau vào năm 2023 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cũ, nay là phường H, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 25/4/2023), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà về chung sống tại K N, tổ A, phường H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống với nhau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Quan điểm sống vợ chồng không phù hợp, không tìm thấy tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên cãi vã. N1 thấy mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng và kéo dài, không thể khắc phục được, hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông T và bà N đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng ông, bà thuận tình ly hôn. Xét thấy, ông Lê Đức T và bà Huỳnh Nguyên Hà N đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều

55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] *Về con chung*: ông Lê Đức T và bà Huỳnh Nguyên Hà N thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung tên Lê Huỳnh Minh L, sinh ngày 04/01/2024. Ly hôn, ông Lê Đức T và bà Huỳnh Nguyên Hà N thống nhất thỏa thuận giao con chung Lê Huỳnh Minh L, sinh ngày 04/01/2024 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Lê Đức T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về quan hệ tài sản chung*: ông Lê Đức T và bà Huỳnh Nguyên Hà N thống nhất xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét.

[4] *Về nợ chung*: ông Lê Đức T và bà Huỳnh Nguyên Hà N thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận ông Lê Đức T và bà Huỳnh Nguyên Hà N thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của ông Lê Đức T và bà Huỳnh Nguyên Hà N, cụ thể như sau:

+ Giao con chung Lê Huỳnh Minh L, sinh ngày 04/01/2024 cho bà Huỳnh Nguyên Hà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Ông Lê Đức T phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Huỳnh Minh L, sinh ngày 04/01/2024 mỗi tháng 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*). Thời gian cấp

dưỡng tính từ tháng 3/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung*: ông Lê Đức T và bà Huỳnh Nguyên Hà N thống nhất xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét.

- *Về nợ chung*: ông Lê Đức T và bà Huỳnh Nguyên Hà N thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Lê Đức T và bà Huỳnh Nguyên Hà N tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Lê Đức T và bà Huỳnh Nguyên Hà N đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001052 ngày 29/01/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Như vậy ông Lê Đức T và bà Huỳnh Nguyên Hà N đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Hoà Khánh, TP Đà Nẵng
(theo GCNKH số 85 ngày 25/4/2023);
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cường